



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC
AVINA-IAFC TAX CONSULTANCY, AUDITING & ACCOUNTING CO.,LTD

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ
XÂY DỰNG THĂNG LONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Đã được kiểm toán)

AVINA-IAFC
professional & quality

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 1536/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 5 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cơ khí và Xây dựng Thăng Long. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010317795 ngày 06 tháng 06 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 4 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp được đổi thành số 0100104436 để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ tư ngày 01 tháng 11 năm 2012 với các ngành nghề sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết:
 - + Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư;
 - + Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện;
 - + Xây dựng đường dây điện đến 35KV;
- Mã kẽm bằng công nghệ nhúng long và điện phân;
- Kinh doanh bất động sản (Xây dựng nhà để bán)
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vận hành, sử dụng các thiết bị chuyên dụng trong xây dựng các công trình giao thông;
- Đại lý tiêu thụ các sản phẩm cho các nhà sản xuất, trong và ngoài nước;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, phụ tùng, vật tư, vật liệu cho sản xuất và tiêu dùng;
- Kiểm tra chất lượng kết cấu hàn bằng phương pháp không phá hủy: thẩm thấu, bột từ, siêu âm, chụp Xquang;
- Chế tạo các loại vật tư chuyên dùng cho thi công cầu (các loại đà giáo di động, thiết bị đúc hẫng, lắp hẫng, các loại trạm trộn, gói cầu, khe co giãn, vòng nút neo);
- Chế tạo các loại bu long tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn;
- Chế tạo các thiết bị áp lực và bình chịu áp lực;
- Chế tạo cầu trục, các thiết bị nâng;
- Chế tạo, lắp dựng các loại trụ tháp bằng thép cho đường dây tải điện, thông tin viễn thông, phát thanh truyền hình;
- Chế tạo, lắp đặt các loại kết cấu thép phục vụ xây dựng kiến trúc công nghiệp và kiến trúc dân dụng;
- Chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, dầm cầu thép phục vụ xây dựng các công trình giao thông và các ngành kinh tế khác./.

Vốn điều lệ của Công ty: 25.456.850.000 VND

Trụ sở chính của công ty: Thôn Cổ Điển, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 4 VÀ XÂY DỰNG THĂNG LONG
Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông	Lê Hồng Chiến	Chủ tịch
Ông	Vũ Hồng Phương	Phó Chủ tịch
Ông	Trần Việt Quân	Ủy viên
Ông	Nguyễn Mạnh Chung	Ủy viên
Ông	Phạm Quang Minh	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông	Trần Văn Bích	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Thanh	Thành viên
Ông	Đinh Hữu Khánh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông	Vũ Hồng Phương	Tổng Giám đốc
Ông	Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Văn Tiềm	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Mạnh Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phan Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC

Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế với Công ty như: góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 4 VÀ XÂY DỰNG THĂNG LONG
Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán được áp dụng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. *(Ký)*

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Hồng Phương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Số: 23A/BCKT/TC/AVINA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc
và các cổ đông Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long được lập ngày 28/02/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 241/2011/BCTC-KTTV-KT3 ngày 14 tháng 5 năm 2012 có dạng ý kiến ngoại trừ liên quan đến các vấn đề sau:

- Một số khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được đối chiếu, xác nhận. Kiểm toán viên đã ngoại trừ ảnh hưởng của các khoản mục này đến Báo cáo tài chính do không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác nhận số dư của các khoản mục này được trình bày trên báo cáo tài chính.
- Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng bảo hành đối với các công trình xây lắp và sản phẩm cơ khí theo qui định tại Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính.
- Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đang phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh của một số công trình đã hoàn thành được chủ đầu tư nghiệm thu, đang chờ phê duyệt quyết toán thay vì phải kết chuyển vào xác định kết quả kinh doanh từ các năm trước.
- Lãi tiền vay phát sinh từ các năm trước chưa được kết chuyển vào kết quả kinh doanh các năm tương ứng mà đang được phản ánh trên chỉ tiêu “Chi phí trả trước ngắn hạn”, số tiền 19.345.441.681 VND.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận, nếu có), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2012 được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) với một số ý kiến ngoại trừ đã được nêu ở phần trên. Do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về các số liệu so sánh cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này đến các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.
- Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, một số khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2012 chưa có đối chiếu, xác nhận.
- Lãi tiền vay phát sinh từ các năm trước chưa được kết chuyển vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh của các năm tương ứng mà đang được phản ánh trên chỉ tiêu “ Chi phí trả trước ngắn hạn” (Xem thuyết minh số V.05. trang 18)
- Việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng bảo hành đối với các công trình xây lắp tại ngày 31/12/2012 của công ty theo qui định tại Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính là chưa đầy đủ. Chúng tôi không xác định được mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến kết quả kinh doanh năm 2012

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ông Thể Đức
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0855/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN
& KIỂM TOÁN AVINA – IAFC

Hà nội, Ngày 15 tháng 03 năm 2013

Phạm Tuấn Vũ
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 2030/KTV

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		308.751.755.690	184.767.987.446
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	6.769.667.697	1.711.901.613
111	1. Tiền		6.669.037.697	1.504.271.613
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.630.000	207.630.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	0	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.03	107.856.392.569	73.144.990.176
131	1. Phải thu khách hàng		102.329.629.428	69.256.173.399
132	2. Trả trước cho người bán		13.041.451.456	2.862.021.643
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		0	0
135	5. Các khoản phải thu khác		1.535.145.659	1.026.795.134
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(9.049.833.974)	0
140	IV. Hàng tồn kho	V.04	164.565.490.867	79.383.881.757
141	1. Hàng tồn kho		164.565.490.867	79.383.881.757
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		0	0
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.560.204.557	30.527.213.900
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.05	22.818.878.641	25.610.408.586
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		0	0
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		0	0
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.06	6.741.325.916	4.916.805.314
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.493.330.403	27.410.813.992
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II . Tài sản cố định		18.609.230.775	20.503.996.448
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	18.347.062.240	20.149.836.471
222	- Nguyên giá		79.232.173.850	77.805.496.552
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(60.885.111.610)	(57.655.660.081)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
225	- Nguyên giá		0	0
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		0	0
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	13.110.014	21.850.010
228	- Nguyên giá		43.700.000	43.700.000
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(30.589.986)	(21.849.990)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.09	249.058.521	332.309.967
240	III. Bất động sản đầu tư		0	0
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.130.064.000	3.130.064.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		0	0
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0	0
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.10	3.130.064.000	3.130.064.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.754.035.628	3.776.753.544
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	5.754.035.628	3.776.753.544
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		336.245.086.093	212.178.801.438

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (tiếp)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		309.428.117.296	187.280.036.412
310	I. Nợ ngắn hạn		297.447.975.681	166.510.191.536
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	23.619.350.554	20.063.919.652
312	2. Phải trả người bán		92.064.439.699	37.863.385.447
313	3. Người mua trả tiền trước		96.190.112.535	30.882.068.454
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	20.608.011.175	20.843.117.464
315	5. Phải trả người lao động		11.753.887.029	5.897.186.439
316	6. Chi phí phải trả		0	0
317	7. Phải trả nội bộ		0	0
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		0	0
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.14	52.587.670.663	50.330.410.054
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		624.504.026	630.104.026
330	II. Nợ dài hạn		11.980.141.615	20.769.844.876
331	1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		0	0
333	3. Phải trả dài hạn khác		0	0
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.15	11.943.050.706	20.371.986.543
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		0	360.767.424
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		0	0
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		37.090.909	37.090.909
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.816.968.797	24.898.765.026
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	26.816.968.797	24.898.765.026
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.579.213.788	20.579.213.788
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.770.235.000	2.770.235.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		0	0
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		428.718.030	428.718.030
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.120.598.208	786.661.508
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.918.203.771	333.936.700
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
432	1. Nguồn kinh phí		0	0
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		336.245.086.093	212.178.801.438

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		0	0
5. Ngoại tệ các loại (USD)			
	Đồng USD	275,42	287,52
	EUR	0,00	0,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu
Nguyễn Thành Đoàn
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng
Trần Việt Quân



Tổng Giám đốc
Vũ Hồng Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.17	250.620.402.282	137.769.706.249
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		0	0
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	VI.18	250.620.402.282	137.769.706.249
11	Giá vốn hàng bán	VI.19	214.544.764.682	125.517.833.050
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		36.075.637.600	12.251.873.199
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	582.173.241	941.464.641
22	Chi phí tài chính	VI.21	14.945.410.391	4.836.003.169
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.701.280.068	4.836.003.169
24	Chi phí bán hàng		0	0
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.22	19.942.317.686	7.993.847.999
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.770.082.764	363.486.672
31	Thu nhập khác	VI.23	961.098.764	497.898.172
32	Chi phí khác	VI.24	292.367.452	457.870.098
40	Lợi nhuận khác		668.731.312	40.028.074
50	Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế		2.438.814.076	403.514.746
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.25	520.610.305	69.578.046
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.918.203.771	333.936.700
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.26	932	162

Người lập biểu
Nguyễn Thành Đoàn
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng
Trần Việt Quân



Tổng Giám đốc
Vũ Hồng Phương

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	308.248.496.852	105.434.630.699
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	(241.842.859.121)	(86.564.028.529)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(31.899.384.825)	(13.796.993.247)
04	4. Tiền chi trả lãi	(4.664.808.356)	(1.003.608.727)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.755.317.400	1.908.408.853
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(18.078.964.633)	(13.195.692.395)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	17.517.797.317	(7.217.283.346)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	0	
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	(3.431.059.632)	(730.797.162)
22	2. Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	709.662.953	0
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	0	0
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ dài hạn khác	0	0
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0	0
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0	0
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	259.079.291	80.702.997
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.462.317.388)	(650.094.165)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	0	0
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	61.704.618.529	15.380.737.780
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(69.310.361.670)	(7.875.870.346)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	0	0
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(2.391.970.704)	(1.129.239.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(9.997.713.845)	6.375.628.434
50	LUU CHUYEN TIEN THUAN TRONG KY	5.057.766.084	(1.491.749.077)
60	TIEN TON DAYA KY	1.711.901.613	3.203.650.690
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		
70	TIEN VÀ TUONG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KY	6.769.667.697	1.711.901.613

Người lập biểu

Nguyễn Thành Đoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Việt Quân

Tổng Giám đốc

Vũ Hồng Phương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 1536/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 5 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cơ khí và Xây dựng Thăng Long. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010317795 ngày 06 tháng 06 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 4 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp được đổi thành số 0100104436 để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ tư ngày 01 tháng 11 năm 2012 với các ngành nghề sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết:
 - + Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư;
 - + Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện;
 - + Xây dựng đường dây điện đến 35KV;
- Mã kẽm bằng công nghệ nhúng long và điện phân;
- Kinh doanh bất động sản (Xây dựng nhà để bán)
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vận hành, sử dụng các thiết bị chuyên dụng trong xây dựng các công trình giao thông;
- Đại lý tiêu thụ các sản phẩm cho các nhà sản xuất, trong và ngoài nước;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, phụ tùng, vật tư, vật liệu cho sản xuất và tiêu dùng;
- Kiểm tra chất lượng kết cấu hàn bằng phương pháp không phá hủy: thảm thấu, bột từ, siêu âm, chụp Xquang;
- Chế tạo các loại vật tư chuyên dùng cho thi công cầu (các loại đà giáo di động, thiết bị đúc hẫng, lắp hẫng, các loại trạm trộn, gối cầu, khe co giãn, vòng nút neo);
- Chế tạo các loại bu long tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn;
- Chế tạo các thiết bị áp lực và bình chịu áp lực;
- Chế tạo cầu trục, các thiết bị nâng;
- Chế tạo, lắp dựng các loại trụ tháp bằng thép cho đường dây tải điện, thông tin viễn thông, phát thanh truyền hình;
- Chế tạo, lắp đặt các loại kết cấu thép phục vụ xây dựng kiến trúc công nghiệp và kiến trúc dân dụng;
- Chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, dầm cầu thép phục vụ xây dựng các công trình giao thông và các ngành kinh tế khác./.

Vốn điều lệ của Công ty: 25.456.850.000 VND

Trụ sở chính của Thôn Cổ Điện, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Nhiên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006; Các chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện kèm theo; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp do của Bộ Tài chính ban hành.

2. *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

3. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

2. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chê biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

7. Nguyên tắc ghi nhận đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập cho từng khoản đầu tư của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính). Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng niên độ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Các khoản chi phí này được theo dõi chi tiết cho từng khoản chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động đầu tư được hạch toán và lũy kế đến thời điểm dự án chính thức đi vào hoạt động sẽ được phân bổ vào doanh thu hoặc chi phí theo quy định hiện hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của kh khoản dự phòng phải trả về báo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền và các khoản tương đương tiền, công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phòi là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành của Việt Nam.

18. Thay đổi trong chính sách kế toán

Theo thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc cho người lao động tại doanh nghiệp. Công ty đã tuân thủ và áp dụng, nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được trình bày lại cho phù hợp với qui định.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	435.225.022	61.060.846
Tiền gửi ngân hàng	6.233.812.675	1.443.210.767
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi dưới 3 tháng)	100.630.000	207.630.000
Cộng	6.769.667.697	1.711.901.613

03. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
- Phải thu khách hàng	102.329.629.428	69.256.173.399
+ các khoản nợ phải thu trong hạn	63.569.583.722	41.803.967.714
+ các khoản nợ quá hạn và nợ khó có khả năng thu hồi	38.760.045.706	27.452.205.685
- Trả trước cho người bán	13.041.451.456	2.862.021.643
- Các khoản phải thu khác	1.535.145.659	1.026.795.134
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	15.951.122	7.793.645
+ Bảo hiểm xã hội phải thu CBCNV	332.517.828	287.511.238
+ Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thắng Long	616.300.775	516.408.640
+ Các khoản phải thu khác	570.375.934	215.081.611
- Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi (*)	(9.049.833.974)	0
Cộng	107.856.392.569	73.144.990.176

04. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu	10.351.763.364	12.228.126.971
Công cụ, dụng cụ	189.976.495	230.604.277
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	151.241.799.626	64.143.199.127
Thành phẩm	2.781.951.382	2.781.951.382
Cộng giá gốc hàng tồn kho	164.565.490.867	79.383.881.757

05. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Lãi vay phát sinh trước năm 2011	19.345.441.681	19.345.441.681
Ngân hàng NN&PTNT Bắc Thắng Long	11.506.863.692	11.506.863.692
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN	7.838.577.989	7.838.577.989
Lãi vay phát sinh năm 2011	3.473.436.960	4.315.099.487
Ngân hàng NN&PTNT Bắc Thắng Long	1.581.176.722	1.581.176.722
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN	1.892.260.238	1.892.260.238
Tổng công ty Xây dựng Thắng Long		841.662.527
Tiền phạt chậm nộp thuế	0	1.949.867.418
Cộng	22.818.878.641	25.610.408.586

06. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	438.878.531	79.530.000
Tạm ứng	6.302.447.385	4.837.275.314
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0
Cộng	6.741.325.916	4.916.805.314

07. Tài sản cố định hữu hình (chi tiết xem Phụ lục số 01 kèm theo)

08. Tài sản cố định vô hình:

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	43.700.000	43.700.000
- Mua trong năm	0	0
- Thanh lý, nhượng bán		0
Số dư cuối năm	43.700.000	43.700.000
Giá trị hao mòn lũy kế		0
Số dư đầu năm	21.849.990	21.849.990
- Khấu hao trong năm	8.739.996	8.739.996
- Thanh lý, nhượng bán		0
Số dư cuối năm	30.589.986	30.589.986
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	21.850.010	21.850.010
- Tại ngày cuối năm	13.110.014	13.110.014

09 . Chi phí xây dựng dở dang	31/12/2012	01/01/2012
Xây dựng cơ bản dở dang		
Ché tạo cầu 7,5 tấn	249.058.521	249.058.521
Ché tạo hàng rào cầu vượt Láng Hạ - Thái Hà	0	83.251.446
Cộng	249.058.521	332.309.967

10. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Đầu tư dài hạn khác (*)	3.130.064.000	3.130.064.000
Cộng	3.130.064.000	3.130.064.000

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thăng Long

11. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
Vật tư luân chuyển	5.291.581.738	3.546.705.357
Chi phí công cụ, dụng cụ	462.453.890	230.048.187
Chi phí khác	0	
Cộng	5.754.035.628	3.776.753.544

V.12. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn

Vay NH NN &PTNT Bắc Thắng Long	7.897.174.652	8.297.174.652
Vay NH TMCP Sài Gòn- Hà Nội	14.422.175.902	7.316.745.000
Vay NH TMCP Đại Á -CN Hà Nội	0	450.000.000
Vay đối tượng khác - Ông Đặng Trần Dũng	0	4.000.000.000
Vay đối tượng khác - Bà Phan Thị Kim Thịnh	1.300.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	23.619.350.554	20.063.919.652

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	7.700.872.882	12.316.329.804
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	11.813.458
Thuế xuất, nhập khẩu	0	10.739.508
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.292.706.148	2.772.095.843
Thuế thu nhập cá nhân	4.700.993	5.292.859
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.508.647.700	1.233.593.500
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.101.083.452	4.493.252.492
Cộng	20.608.011.175	20.843.117.464

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	326.016.955	159.160.905
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.574.701.641	1.389.591.710
Cỗ tức, lợi nhuận phải trả	1.008.683.495	3.400.654.199
Lãi tiền vay phải trả	28.524.598.523	23.951.581.827
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN	11.919.553.491	9.730.838.227
Ngân hàng NN &PTNT Bắc Thắng Long	14.555.277.318	13.088.040.414
Tổng công ty Xây dựng Thắng Long	1.885.383.228	920.411.003
Các đối tượng khác	164.384.486	212.292.183
Phải trả Công ty mua bán nợ và TS tồn đọng của DN	13.260.163.211	15.260.163.211
Phải trả các đội thi công	3.872.036.363	3.318.315.119
Các khoản phải trả khác	3.021.470.475	2.850.943.083
Cộng	52.587.670.663	50.330.410.054

15. Vay dài hạn và nợ dài hạn

Vay dài hạn

Nợ dài hạn (*)

Cộng

	31/12/2012	01/01/2012
	0	0
	<u>11.943.050.706</u>	20.371.986.543
	<u>11.943.050.706</u>	<u>20.371.986.543</u>

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 02 kèm theo)

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Nhà nước

Vốn góp của các cổ đông khác

Thặng dư vốn cổ phần

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	4.286.823.788	4.286.823.788
	16.292.390.000	16.292.390.000
	2.770.235.000	2.770.235.000
	23.349.448.788	23.349.448.788

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

	Cuối năm	Đầu năm
	20.579.213.788	20.579.213.788
	0	0
	0	0
	20.579.213.788	20.579.213.788

16.4 Cổ phiếu

- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng

- *Cổ phiếu phổ thông*

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

- Số lượng Cổ phiếu được mua lại

+ *Cổ phiếu phổ thông*

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành

+ *Cổ phiếu phổ thông*

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	2.545.685	2.545.685
	2.057.921	2.057.921
	2.057.921	2.057.921
	2.057.921	2.057.921

16.5 Các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
	428.718.030	428.718.030
	1.120.598.208	786.661.508
	0	0

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

VI.17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	250.620.402.282	137.769.706.249
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0
Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0
Cộng	250.620.402.282	137.769.706.249

VI.18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	250.620.402.282	137.769.706.249
Doanh thu thuần dịch vụ	0	0
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	0	0
Cộng	250.620.402.282	137.769.706.249

VI.19. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	214.544.764.682	125.517.833.050
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	0	0
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	0	0
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Cộng	214.544.764.682	125.517.833.050

VI.20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	271.427.060	88.496.642
Cổ tức được chia	0	125.202.560
Lãi bán hàng trả chậm	215.044.338	722.999.939
Doanh thu hoạt động tài chính khác	95.701.843	4.765.500
Cộng	582.173.241	941.464.641

VI.21. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	10.701.280.068	4.836.003.169
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	0	0
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư	0	0
Chi phí tài chính khác	4.244.130.323	0
Cộng	14.945.410.391	4.836.003.169

VI.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.942.559.307	4.289.271.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.722.873	313.886.803
Chi phí khấu hao TSCĐ	457.641.458	488.848.769
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	9.049.833.974	309.477.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.046.056.796	553.758.077
Chi phí bàng tiền khác	3.402.503.278	2.035.604.754
Cộng	19.942.317.686	7.993.847.999

23. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tái sản cố định	709.662.953	430.727.272
Thanh lý vật tư	0	23.170.900
Hòan nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	251.435.811	
Xử lý công nợ	0	44.000.000
Cộng	961.098.764	497.898.172

24. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán	36.901.452	209.732.297
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất bán	0	11.440.000
Thuế bị phạt, bị truy thu		236.697.801
Tiền phạt hợp đồng	255.466.000	0
Cộng	292.367.452	457.870.098

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.438.814.076	403.514.746
Các khoản điều chỉnh tăng	0	0
Các khoản điều chỉnh giảm	0	125.202.560
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.438.814.076	278.312.186
<i>Lợi nhuận không được miễn giảm</i>	1.250.904.553	278.312.186
<i>Lợi nhuận được miễn giảm 30%</i>	1.187.909.523	0
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp (%)	25	25
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	520.610.305	69.578.046

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.918.203.771	333.936.700
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	0	0
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Chi phí băng tiền khác		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.918.203.771	333.936.700
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.057.921	2.057.921
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	932	162

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên HĐQT, Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tổng thu nhập	Năm nay	Năm trước
	929.458.000	787.282.464
Giao dịch với các bên liên quan		
Các bên liên quan khác với Công ty gồm:		
Bên liên quan	Mối quan hệ	
Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Cổ đông lớn	
Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Thăng Long	Bên nhận vốn góp	
Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:		
Tổng công ty Xây dựng Thăng Long	Năm nay	
Khối lượng xây lắp thi công cho Tổng công ty	322.072.695.403	
Tổng công ty thanh toán và tạm ứng tiền thi công công trình	120.791.726.212	
Mua vật tư của Tổng công ty	191.523.979.240	
Trả tiền mua vật tư Tổng công ty	3.290.486.984	
Lãi tiền vay phải trả Tổng công ty	2.458.451.784	
Trả lãi tiền vay Tổng công ty	2.486.511.704	
Công ty CP bê tông và Xây dựng Thăng Long		1.521.539.479
Lãi tiền vay lại cổ tức Công ty CP Bê tông phải trả công ty CK4	99.892.135	
	99.892.135	

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thi công các công trình	-	1.561.603.929

Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Thắng Long

Tiền thi công các công trình	3.224.961.138	3.224.961.138
Phải thu khác	616.300.775	516.408.640
Công nợ phải thu	3.841.261.913	5.302.973.707

Tổng công ty xây dựng Thắng Long

Tiền tạm ứng thi công các công trình	69.170.649.099	
Tiền vay và lãi nhập gốc	11.963.934.006	20.371.986.543
Lãi tiền vay không nhập gốc	1.885.383.228	920.411.003
Mua bán vật tư	5.498.753.043	

Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Thắng Long

Mua bán vật tư	123.780.800	123.780.800
Công nợ phải trả	88.642.500.176	21.416.178.346

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán được xác định theo của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

3. Phê duyệt và phát hành Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thắng Long được Ban Giám đốc phê duyệt ban hành vào ngày 28/02/2013.



Người lập biểu
Nguyễn Thành Đoàn
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2013



Kế toán trưởng
Trần Việt Quân



Tổng Giám đốc
Vũ Hồng Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 4 VÀ XAY DỰNG THĂNG LONG

Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phu lục : 01

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính : VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý, TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.884.323.497	52.402.184.892	7.746.883.015	772.105.148	77.805.496.552
- Mua trong năm		1.476.700.000	1.404.227.273	262.609.120	3.143.536.393
- Đầu tư XDCB hoàn thành					0
- Tăng khác					0
- Chuyển sang BDS đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán		908.853.003	808.006.092		1.716.859.095
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	16.884.323.497	52.970.031.889	8.343.104.196	1.034.714.268	79.232.173.850
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.915.047.114	40.471.044.199	5.569.089.133	700.479.635	57.655.660.081
- Khấu hao trong năm	1.051.992.903	3.293.624.275	507.807.989	55.984.005	4.909.409.172
- Tăng khác					0
- Thanh lý, nhượng bán, bàn giao		873.812.083	806.145.560		1.679.957.643
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	11.967.040.017	42.890.856.391	5.270.751.562	756.463.640	60.885.111.610
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	5.969.276.383	11.931.140.693	2.177.793.882	71.625.513	20.149.836.471
- Tại ngày cuối năm	4.917.283.480	10.079.175.498	3.072.352.634	278.250.628	18.347.062.240

Phu lục 02

BẢNG ĐỒI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính : VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Năm trước						
1.Số dư đầu năm	20.579.213.788	2.788.235.000	0	322.630.412	574.486.272	2.121.752.356
2.Tăng trong năm	0	0	0	106.087.618	212.175.236	333.936.700
- Tăng vốn trong năm	0					
- Tăng do lãi (trích lập các quỹ)				106.087.618	212.175.236	333.936.700
- Tăng khác			0			
3.Giảm trong năm	0	18.000.000	0	0	0	2.121.752.356
- Chi cổ tức						466.785.519
- Giảm khác		18.000.000				1.654.966.837
4. Số cuối năm	20.579.213.788	2.770.235.000	0	428.718.030	786.661.508	333.936.700
Năm nay						
1.Số dư đầu năm	20.579.213.788	2.770.235.000	0	428.718.030	786.661.508	333.936.700
2.Tăng trong năm	0	0	0	0	333.936.700	1.918.203.771
- Tăng vốn trong năm	0					
- Tăng do lãi				0	333.936.700	1.918.203.771
- Tăng khác			0			
3.Giảm trong năm	0	0	0	0	0	333.936.700
- Chi cổ tức						0
- Giảm khác						333.936.700
4. Số cuối năm	20.579.213.788	2.770.235.000	0	428.718.030	1.120.598.208	1.918.203.771

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 4 VÀ XAY DỰNG THĂNG LONG
Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục 02

BẢNG ĐỒI CHIẾU BIỂN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính : VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Năm trước						
1.Số dư đầu năm	20.579.213.788	2.788.235.000	0	322.630.412	574.486.272	2.121.752.356
2.Tăng trong năm	0	0	0	106.087.618	212.175.236	333.936.700
- Tăng vốn trong năm	0					
- Tăng do lãi (trích lập các quỹ)				106.087.618	212.175.236	333.936.700
- Tăng khác			0			
3.Giảm trong năm	0	18.000.000	0	0	0	2.121.752.356
- Chi cổ tức						466.785.519
- Giảm khác		18.000.000				1.654.966.837
4. Số cuối năm	20.579.213.788	2.770.235.000	0	428.718.030	786.661.508	333.936.700
Năm nay						
1.Số dư đầu năm	20.579.213.788	2.770.235.000	0	428.718.030	786.661.508	333.936.700
2.Tăng trong năm	0	0	0	0	333.936.700	1.918.203.771
- Tăng vốn trong năm	0					
- Tăng do lãi				0	333.936.700	1.918.203.771
- Tăng khác			0			
3.Giảm trong năm	0	0	0	0	0	333.936.700
- Chi cổ tức						0
- Giảm khác						333.936.700
4. Số cuối năm	20.579.213.788	2.770.235.000	0	428.718.030	1.120.598.208	1.918.203.771